

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Số 31 đường số 9, khu dân cư Nam Long, tổ 7B, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. HCM

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 21



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Trương Thị Hồng Nga	Chủ tịch
Ông Ngô Văn Đô	Thành viên
Ông Thái Đình Sỹ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết	Trưởng ban
Bà Chu Hoàng Mai	Thành viên
Bà Đinh Hoài Thương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Phạm Thị Giang	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán gần nhất số 43/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2022 là bà Phạm Thị Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2023



RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353
F: 024 3795 5252

www.rsm.global/vietnam
www.rsmhanoi.com.vn

Số: 162/2023/RSMHN-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam**

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 02 tháng 8 năm 2023 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 21.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ", trong 06 tháng đầu năm 2023, Công ty chưa hoàn thành xong việc tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, do đó Công ty chỉ phát sinh doanh thu lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến kết luận của Kiểm toán viên.



Hoàng Thị Vinh

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2023



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.090.286.245	10.931.086.530
I. Tài sản tài chính	110		11.090.286.245	10.931.086.530
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	279.279.807	26.094.063
1.1. Tiền	111.1		279.279.807	26.094.063
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.2	10.500.000.000	10.400.000.000
3. Các khoản phải thu	117		300.616.438	472.302.467
3.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4.3	300.616.438	472.302.467
3.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		300.616.438	472.302.467
4. Trả trước cho người bán	118		-	22.000.000
5. Các khoản phải thu khác	122		10.390.000	10.690.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(30.000.000)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.090.286.245	10.931.086.530

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.899.600	72.899.600
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		28.899.600	72.899.600
1. Phải trả người lao động	323		28.800.000	28.800.000
2. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		99.600	99.600
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		-	44.000.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.061.386.645	10.858.186.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.4	11.061.386.645	10.858.186.930
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.200.000.000	50.200.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		50.200.000.000	50.200.000.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		50.200.000.000	50.200.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(39.138.613.355)	(39.341.813.070)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.090.286.245	10.931.086.530

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		5.020.000	5.020.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
			-	-



Phạm Thị Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2023

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Hồng Giang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			413.905.204	294.024.110
1.1. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	5.1	413.905.204	294.024.110
Cộng doanh thu hoạt động	20		413.905.204	294.024.110
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Cộng chi phí hoạt động	40		-	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		292.666	247.349
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		292.666	247.349
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	5.2	178.698.155	255.832.012
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		235.499.715	38.439.447
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
1. Thu nhập khác	31		-	800.000
2. Chi phí khác	32	5.3	32.300.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(32.300.000)	800.000
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90	5.4	203.199.715	39.239.447
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		203.199.715	39.239.447
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	4.4.4	203.199.715	39.239.447
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501		40,48	7,82
2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		40,48	7,82



Phạm Thị Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2023

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Hồng Giang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	5.4	203.199.715	39.239.447
2. Điều chỉnh cho các khoản	02			
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(292.666)	(247.349)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		202.907.049	38.992.098
- (Tăng) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(100.000.000)	(400.000.000)
- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		171.686.029	315.975.889
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39		300.000	(99.000.000)
- (Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(44.000.000)	(44.000.000)
- Tăng phải trả cho người bán	45		22.000.000	-
- Tăng phải trả người lao động	48		-	17.890.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		252.893.078	(170.142.013)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		292.666	247.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		292.666	247.349
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	90		253.185.744	(169.894.664)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	4.1	26.094.063	481.369.193
Tiền	101.1		26.094.063	481.369.193
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	4.1	279.279.807	311.474.529
Tiền	103.1		279.279.807	311.474.529
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			-	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng			-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng			-	-



Phạm Thị Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2023

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Hồng Giang
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

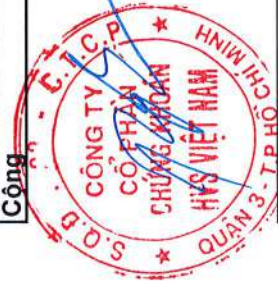
Số 31 đường số 9, khu dân cư Nam Long, tổ 7B, khu phố 1, Phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. HCM

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	TM	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ			Số dư cuối kỳ		
		06 tháng đầu năm 2023		06 tháng đầu năm 2022		Giảm	Tăng	Giảm	Tăng
		Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 01/01/2022	Tăng	Giảm				
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.4	50.200.000.000	50.200.000.000	-	-	-	-	50.200.000.000	50.200.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.200.000.000	50.200.000.000	-	-	-	-	50.200.000.000	50.200.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(39.341.813.070)	(39.260.045.477)	203.199.715	-	39.239.447	-	(39.138.613.355)	(39.220.806.030)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(39.341.813.070)	(39.260.045.477)	203.199.715	-	39.239.447	-	(39.138.613.355)	(39.220.806.030)
Cộng		10.858.186.930	10.939.954.523	203.199.715	-	39.239.447	-	11.061.386.645	10.979.193.970
II. Thu nhập toàn diện khác									
Lãi(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-



(Signature)
Đặng Thị Hồng Giang
 Kế toán trưởng

(Signature)
Đặng Thị Hồng Giang
 Người lập

Phạm Thị Giang
Tổng Giám đốc
 Ngày 02 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 99/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/12/2008 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán gắn nhất số 43/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán là 50.200.000.000 VND, chia thành 5.020.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 31 đường số 9, khu dân cư Nam Long, tổ 7B, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 05 người (tại ngày 01/01/2023 là 05 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán ban đầu, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 720/QĐ-UBCK ngày 30/8/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã tạm thời bị rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa khôi phục được nghiệp vụ môi giới chứng khoán, do đó ngành nghề chính của Công ty là "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023, Công ty chưa hoàn thành xong việc tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, do đó Công ty chỉ phát sinh doanh thu lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

3.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

3.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Doanh thu hoạt động

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.9 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.10 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty không phải nộp thuế TNDN do được chuyển lỗ từ các kỳ trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Hoạt động kinh doanh tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	279.279.807	26.094.063
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.018.903	1.018.903
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	274.954.477	23.446.451
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	3.306.427	1.628.709
Cộng	279.279.807	26.094.063

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Tại ngày 30/6/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.500.000.000	10.500.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Cộng	10.500.000.000	10.500.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000

(i) Tại ngày 30/6/2023, đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 9,5%/năm (tại ngày 01/01/2023 lãi suất là 5,6%/năm) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

4.3 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (i)	300.616.438	472.302.467
Cộng	300.616.438	472.302.467

(i) Đây là lãi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn được trình bày tại Thuyết minh số 4.2 "Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.4 Vốn chủ sở hữu

4.4.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	50.200.000.000	(39.260.045.477)	10.939.954.523
(Lỗ) trong năm	-	(81.767.593)	(81.767.593)
Tại ngày 31/12/2022	50.200.000.000	(39.341.813.070)	10.858.186.930
Tại ngày 01/01/2023	50.200.000.000	(39.341.813.070)	10.858.186.930
Lãi trong kỳ	-	203.199.715	203.199.715
Tại ngày 30/6/2023	50.200.000.000	(39.138.613.355)	11.061.386.645

4.4.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Bà Trương Thị Hồng Nga	24.598.000.000	49	24.598.000.000	49
Ông Thái Đình Sỹ	14.418.000.000	29	14.418.000.000	29
Ông Ngô Văn Đô	11.184.000.000	22	11.184.000.000	22
Cộng	50.200.000.000	100	50.200.000.000	100

4.4.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.020.000	5.020.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.020.000	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.020.000	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.4 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.4.4 Lãi cơ bản, thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	203.199.715	39.239.447
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.020.000	5.020.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	40,48	7,82

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Từ tài sản tài chính HTM (i)	413.905.204	294.024.110
Cộng	413.905.204	294.024.110

(i) Đây là lãi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn được Thuyết minh tại 4.2 "Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)".

5.2 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	173.100.000	188.074.000
Thuế và các khoản lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí thuê văn phòng	-	47.841.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	14.416.887
Chi phí khác bằng tiền	2.598.155	2.499.999
Cộng	178.698.155	255.832.012

5.3 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tiền phạt chậm kê khai thuế (i)	32.300.000	-
Cộng	32.300.000	-

(i) Đây là khoản tiền phạt theo Quyết định số 813/QĐ-CT ngày 13/4/2023 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh do nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng quá thời hạn quy định.

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lợi nhuận theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	203.199.715	39.239.447
Điều chỉnh các khoản	32.300.000	-
Chi phí không được trừ	32.300.000	-
Lãi sau điều chỉnh	235.499.715	39.239.447
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	(235.499.715)	(39.239.447)
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	-	-
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	-	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

5.5 Lỗi chuyển sang từ kỳ trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ kỳ tiếp theo sau kỳ phát sinh khoản lỗi đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong kỳ và các khoản lỗi tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2023 VND	Chuyển lỗ trong kỳ VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 30/6/2023 VND
2018	2023	Chưa QT	12.452.039.149	12.452.039.149	235.499.715	-	12.216.539.434
Cộng lỗi tính thuế			12.452.039.149	12.452.039.149	235.499.715	-	12.216.539.434

(i) Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 12.216.539.434 VND được quyền chuyển sang kỳ sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	60.000.000	40.500.000
Cộng	60.000.000	40.500.000

Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 30/6/2023, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Phạm Thị Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2023

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Hồng Giang
Người lập

